

Số: 12 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy chế tổ chức xét tôn vinh danh hiệu “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu” tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đài PTTH Cao Bằng, Báo Cao Bằng;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (STP);
- VP UBND tỉnh: các PCVP; các CV; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua; thẩm quyền đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; trao tặng và đón nhận; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; hủy bỏ, thu hồi Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng trong tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Quy định các từ ngữ viết tắt

1. Các cơ quan đảng; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh; các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khối, cụm thi đua thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Tập thể lớn).

2. Phòng, ban và tương đương thuộc các tập thể lớn; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ sở giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý; phòng và tương đương thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương (sau đây gọi chung là Tập thể nhỏ).

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng và theo nguyên tắc sau:

a) Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên hoặc chuyên đề phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể; có tổ chức phát động thi đua, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

b) Chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng, căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ xét khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 5 Điều 1 Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Chú trọng khen thưởng gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, chống tiêu cực, chống tham nhũng; các lĩnh vực khó khăn, độc hại, nguy hiểm; các tập thể và cá nhân từ yếu kém phấn đấu thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

b) Khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

Điều 6. Các trường hợp không xét khen thưởng

1. Đối với tập thể có kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng hoàn thành nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có

tổ chức đảng); có tập thể, tập thể lãnh đạo, cá nhân là lãnh đạo cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; nội bộ mất đoàn kết, để xảy ra vụ việc gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội.

Trường hợp cá nhân là lãnh đạo, thời điểm vi phạm ở đơn vị nào theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì tính vào kết quả xét khen thưởng của đơn vị đó.

2. Không xét khen thưởng cho người đứng đầu đơn vị nếu trong năm cơ quan, đơn vị để xảy ra hoặc cá nhân trực tiếp liên quan đến vụ việc tiêu cực, tham nhũng, sai phạm trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận (Trừ trường hợp người đứng đầu mới được điều động, luân chuyển, bổ nhiệm không liên quan đến tiêu cực, tham nhũng, sai phạm của đơn vị).

3. Không xét khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch (trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; khoản 2 Điều 18 Quy chế này).

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 1/2024/TT-BNV.

2. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề, các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề của tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ phát động phong trào thi đua, theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 89 Luật Thi đua, khen thưởng và các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện, tổ chức phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; tổ chức các sự kiện chính trị của tỉnh; sơ kết, tổng kết các chương trình Mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, chương trình của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh); các cuộc diễn tập cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan, đơn vị tổ chức đại hội nhiệm kỳ cấp tỉnh; tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống: có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ phát động thi đua, xây dựng kế hoạch thực hiện, hướng dẫn khen thưởng quy định chi tiết về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng khen thưởng, lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức Hội cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, Hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức phát động, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tạo điều kiện cho cá nhân được khen thưởng giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả.

4. Trách nhiệm của cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng. Xây dựng kế hoạch, nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí để phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến.

d) Hướng dẫn hoạt động cụm, khối thi đua; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ký kết giao ước thi đua của các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương trong tỉnh. Thực hiện công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

5. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

6. Trách nhiệm của khối, cụm thi đua

Các khối, cụm thi đua tổ chức hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua do Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đơn vị, địa phương phát động; bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động khối, cụm thi đua theo quy định.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

Thời điểm trình danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” ngay sau khi được công nhận đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ 3.

2. Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét hằng năm vào dịp tổng kết năm (hoặc năm học đối với ngành giáo dục và đào tạo) cho cá nhân đạt tiêu

chuẩn quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét hằng năm vào dịp tổng kết năm (hoặc năm học đối với ngành giáo dục và đào tạo) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- b) Tích cực học tập chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
- c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 7 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được bình xét, suy tôn là đơn vị dẫn đầu khối, cụm thi đua do tỉnh tổ chức.

Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

b) Hoàn thành xuất sắc các nội dung phong trào thi đua theo kế hoạch của tỉnh đề ra.

c) Kết quả tổ chức thực hiện phong trào thi đua có tác động tích cực đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương.

d) Thực hiện tốt công tác xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng, tuyên truyền điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

đ) Đạt tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Cơ quan chủ trì tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện bình xét, đánh giá đối với tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Phòng, ban và tương đương thuộc các tập thể lớn; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ sở giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý; các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương; khoa, phòng và tương đương của bệnh viện, trung tâm thuộc lĩnh vực y tế, trường cao đẳng.

b) Doanh nghiệp (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các hợp tác xã.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” là các tập thể nhỏ quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

Chương III ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các loại hình khen thưởng, hình thức khen thưởng

1. Các loại hình khen thưởng được quy định tại Điều 8 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các hình thức khen thưởng được quy định tại Điều 9 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Khen thưởng trong phong trào thi đua

a) Đối với các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, việc khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện theo quy định của phong trào.

b) Đối với phong trào thi đua do các ngành phát động có phạm vi trong toàn tỉnh theo văn bản chỉ đạo của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết cơ quan, đơn vị chủ trì xem xét lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp thực hiện phong trào thi đua.

2. Khen thưởng đột xuất

a) Tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất khi hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ đặc biệt, quan trọng, đột xuất do tỉnh giao; có hành động mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác phòng, chống, khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn, rà phá bom mìn, vật liệu nổ; có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh trở lên.

Đối với các trường hợp tiêu biểu, đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trên cả nước, căn cứ quy định và thành tích đạt được, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc trình Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động.

b) Tập thể, cá nhân, đội, nhóm có thành tích xuất sắc trong các cuộc thi, hội thi do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương tổ chức, cụ thể như sau: đạt giải khuyến khích và tương đương trở lên trong các cuộc thi quốc tế; đạt giải Đặc biệt, giải Nhất, Nhì, Ba và tương đương trong các cuộc thi, hội thi cấp quốc gia; đạt giải Nhất và tương đương (Nhất, Nhì và tương đương đối với lĩnh vực giáo dục) trong các cuộc thi, hội thi cấp khu vực; đạt giải Nhất và tương đương trong các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh; đạt Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng; đạt Giải thưởng Lương Định Của do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng; đạt Giải thưởng

Hồ Chí Minh; đạt Giải thưởng Nhà nước; đạt Giải thưởng về khoa học và công nghệ của các tổ chức quốc tế.

Đối với tập thể, cá nhân, đội, nhóm đạt giải cao ở nhiều nội dung trong một cuộc thi chỉ được xét khen thưởng 01 lần cho thành tích cao nhất. Trường hợp đã được bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng thì không đề nghị khen thưởng cấp tỉnh.

3. Tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích hoặc có phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được cấp có thẩm quyền công nhận.

4. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có đóng góp bằng tiền, vật chất, công sức phục vụ các công trình, dự án, chương trình của Nhà nước, mục tiêu trọng điểm của tỉnh, địa phương và các hoạt động công ích khác; tổ chức hoặc tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện; giúp đỡ cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

5. Khen thưởng công trạng

a) Tập thể, cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn được quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Tập thể tham gia khối, cụm thi đua thuộc tỉnh.

6. Công nhân, nông dân, người lao động đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 01 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng tại địa phương và giúp đỡ hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo hoặc tạo việc làm ổn định cho người lao động.

7. Khen thưởng đối ngoại

Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp

tác giữa tỉnh Cao Bằng với các tỉnh của các quốc gia hoặc có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

8. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong các trường hợp khác

a) Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

b) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhân dịp đại hội nhiệm kỳ cấp tỉnh; sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, chương trình của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh); cuộc diễn tập khu vực phòng thủ và các cuộc diễn tập khác cấp tỉnh và cấp huyện.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh khi tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (là năm có chữ số cuối cùng là “0”) và năm lẻ 5 (là năm có chữ số cuối cùng là “5”). Chỉ đề nghị khen thưởng khi có sự nhất trí bằng văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh hoặc có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của cộng đồng.

đ) Cá nhân là người đứng đầu của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong năm đơn vị được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và cá nhân được đánh giá, xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đối với công chức hoặc đảng viên).

Điều 19. Giấy khen

Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Giám đốc hợp tác xã tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua.

b) Có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu nạn, cứu hộ, chống tham nhũng; gương người tốt, việc tốt; tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

c) Có thành tích tiêu biểu trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị; hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị.

2. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Giám đốc hợp tác xã tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, gương mẫu trong phát triển kinh tế có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi tại đơn vị, địa phương.

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương tại đơn vị, địa phương.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, gương mẫu trong phát triển kinh tế có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi tại địa phương.

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương tại địa phương.

Chương IV

XÉT, TÔN VINH VÀ TRAO TẶNG DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG CHO DOANH NHÂN, DOANH NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ KHÁC

Điều 20. Đối tượng, nguyên tắc, phạm vi, thẩm quyền xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 60, Điều 61, Điều 62 và Điều 63 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 21. Quyền lợi, trách nhiệm của doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác; kinh phí xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 64, Điều 65 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 22. Điều kiện tham dự; hồ sơ, thủ tục và tổ chức xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 23. Phạm vi, thời gian tổ chức xét tặng danh hiệu

1. Thời gian tổ chức xét tôn vinh: Thực hiện 03 năm một lần.
2. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị tổ chức xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nghiệp, doanh nhân và tổ chức kinh tế khác về Sở Nội vụ trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.
3. Thời gian tổ chức trao tặng danh hiệu: Vào dịp gặp mặt các doanh nghiệp hằng năm hoặc dịp kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam (ngày 13 tháng 10) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vào năm tổ chức.
4. Thời gian tổ chức lần tiếp theo được tính từ khi tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu, giải thưởng của lần tổ chức trước đó.

Chương V

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG;
HỒ SƠ, THỦ TỤC; TRAO TẶNG VÀ ĐÓN NHẬN;
HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA,
HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG;
CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG**

Mục 1

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG VÀ ĐÓN NHẬN
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 24. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 và Điều 80 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 24, Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước, ngày truyền thống của ngành, đại hội, ngày thành lập, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối với các trường hợp được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, đơn vị đề nghị khen thưởng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng đảm bảo kịp thời, trang trọng, ý nghĩa.

3. Đối với hội nghị do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, cơ quan tham mưu tổ chức hội nghị chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện; Đối với hội nghị do các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức, các đơn vị thực hiện theo quy định.

4. Đối với trường hợp khen thưởng đối ngoại, cơ quan trình khen thưởng phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định.

Mục 2

THẨM QUYỀN ĐỀ NGHỊ; HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 26. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 1/2024/TT-BNV.

1. Tập thể, cá nhân làm công tác chuyên trách thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng; cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

2. Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo do Sở Nội vụ xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị khen thưởng sau khi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo.

3. Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng đột xuất, khen thưởng thành tích tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

4. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc trình khen thưởng (*Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp lớn cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, Thủ trưởng các đơn vị, địa phương đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng*).

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, cứu nạn, cứu hộ, chống tham nhũng trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 27. Thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục đề nghị khen thưởng thực hiện theo Điều 30, Điều 31 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các đơn vị tham gia khối, cụm thi đua thuộc tỉnh), Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định thành tích, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy quản lý khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm: Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Huân chương Lao động các hạng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ phải có ý kiến bằng văn bản của Thường trực Huyện ủy, Thành ủy.

5. Đối với các doanh nghiệp khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (nếu có).

6. Đối với các tổ chức hội cấp huyện khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải có ý kiến bằng văn bản của tổ chức hội cấp tỉnh theo ngành dọc.

7. Đối với các cá nhân, tập thể quy định tại khoản 7 Điều 18 của Quy chế này, khi đề nghị khen thưởng phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan (nếu có).

8. Đối với việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 31 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, khi nhận được văn bản xin ý kiến về việc khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định.

9. Công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước từ hình thức Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

Điều 28. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo Điều 84, Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43 và Điều 44 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng: 01 bộ bản chính, kèm theo các tệp tin điện tử của hồ sơ (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 29. Thủ tục, hồ sơ đơn giản

1. Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và những đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Quy chế này.

2. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

Điều 30. Thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định, thời gian thông báo kết quả thẩm định và kết quả khen thưởng

1. Thời điểm nhận hồ sơ

a) Đối với khen thưởng cấp Nhà nước, hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 4 hằng năm; Hệ thống giáo dục và đào tạo (không bao gồm tập thể, cá nhân trong cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo) trình trước ngày 30 tháng 7 hằng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen phong trào thi đua, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại).

Thời điểm đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Hồ sơ gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 31 tháng 8 hằng năm.

b) Đối với danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các đơn vị tham gia khối, cụm thi đua thuộc tỉnh), hồ sơ gửi về Sở Nội vụ (bằng hình thức Dịch vụ công trực tuyến toàn trình) trước ngày 31 tháng 01 hằng năm; Hệ thống giáo dục và đào tạo (không bao gồm tập thể, cá nhân trong cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo) trước ngày 30 tháng 7 hằng năm.

c) Đối với danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ gửi về Sở Nội vụ (bằng hình thức Dịch vụ công trực tuyến toàn trình) trước ngày 15 tháng 01 hằng năm; Hệ thống giáo dục và đào tạo (không bao gồm tập thể, cá nhân trong cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo) trước ngày 20 tháng 7 hằng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen phong trào thi đua và khen thưởng đối ngoại).

d) Đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, hồ sơ gửi về Sở Nội vụ (bằng hình thức Dịch vụ công trực tuyến toàn trình) trước ngày 15 tháng 4 hằng năm; Hệ thống giáo dục và đào tạo (không bao gồm tập thể, cá nhân trong cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo) trước ngày 10 tháng 8 hằng năm.

2. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng

Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định hoặc có thông báo về kết quả khen thưởng của cấp trên, Sở Nội vụ thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 31. Xử lý vi phạm; thủ tục, hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự Nhà nước; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Việc xử lý vi phạm; hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình

thức khen thưởng; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự Nhà nước, thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 74, Điều 75, Điều 76 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định khen thưởng

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng.

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

3. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 32. Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 114 và Điều 115 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Cơ quan trực tiếp trình khen thưởng gửi Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng giải quyết cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi; tập thể, cá nhân khi được cấp đổi, cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp đổi, cấp lại.

4. Hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi, cơ quan có thẩm quyền cấp đổi có trách nhiệm thực hiện thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy theo quy định.

Chương VI
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 33. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh: Là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

c) Thư ký của Hội đồng: Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và Quy chế hoạt động của Hội đồng.

Điều 34. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp, Hợp tác xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp, Hợp tác xã (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thẩm quyền thành lập

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng.

3. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp phó của người đứng đầu hoặc Chủ tịch công đoàn cùng cấp.

c) Thành viên Hội đồng là lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đại diện các tổ chức đoàn thể cùng cấp.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

a) Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng.

b) Tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

c) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

d) Tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

đ) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Phòng Nội vụ các huyện, thành phố; phòng Tổ chức cán bộ hoặc phòng Hành chính hoặc Văn phòng các cơ quan, đơn vị, địa phương là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 35. Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 50, Điều 51, Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và một số nội dung cụ thể như sau:

1. Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch.

3. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án, các cuộc diễn tập được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án, các cuộc diễn tập đó. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu, dự án không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 36. Mức tiền thưởng và chế độ đãi ngộ

Mức tiền thưởng và chế độ đãi ngộ kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và trong quy chế này, các cấp, các ngành, các đơn vị có thể có các hình thức động viên khác phù hợp đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, học tập, công tác, chiến đấu và động viên phong trào thi đua nhưng không trái với quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Điều 38. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy chế. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các cấp, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời theo quy định của pháp luật. /PA